

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 31/7/2024

“V/v: Chị H ly hôn anh V”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huy Trọng và ông Lưu Bá Ngọc

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Anh Bích, Thư ký
Toà án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội
có Thông báo số 22/TB-VKS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc không tham
gia phiên tòa xét xử vụ án HNGĐ

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986.

- *Bị đơn:* Anh Chu Văn V, sinh năm 1982.

Đều ĐKKHKT tại: Số nhà 12, ngõ 3 Nhân Nội, Đội 6, thôn My T, xã Thanh M, huyện Thanh O, Hà Nội;

(Tại phiên tòa: Chị H có mặt. Anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Chu Văn V, sinh năm 1962, trú tại thôn My T, xã Thanh M, huyện Thanh O, Hà Nội trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh M, huyện Thanh O, Hà Nội năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018,

vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên rượu chè, chơi bời không quan T, chăm sóc gia đình và con cái. Hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được nữa. Đến năm 2023, chị H về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là Chu Quyết T, sinh ngày 05/12/2004; Chu Văn Th, sinh ngày 30/4/2011; Chu Thị Bảo A, sinh ngày 01/9/2019, cả 3 con chung hiện đang ở với anh V. Khi ly hôn, chị H có quan điểm, cháu T đã trưởng thành nên để cho cháu tự quyết định, chị xin nhận nuôi cháu Chu Thị Bảo A, còn anh V nuôi cháu Chu Văn Th, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác của vợ chồng: Chị không đề nghị toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn là anh Chu Văn V: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V, niêm yết tại địa phương nơi anh V sinh sống nhưng anh đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Chu Văn V nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn My T, xã Thanh M, huyện Thanh O, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương nơi anh V cư trú nhưng anh V vẫn không có phản hồi, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn và quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Phạm Thị H và anh Chu Văn V tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh M, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội năm 2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên chơi bời, không quan T, chăm lo cho gia đình và con cái. Mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên Bảo Ah V nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Đến cuối năm 2023, chị H về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do hai người không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn là chị H xin ly hôn với anh V. Quá trình giải quyết vụ án, anh V không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh V.

[2.2] Về con chung: Quá trình kết hôn và chung sống với nhau, anh chị có 03 con chung là Chu Quyết T, sinh ngày 05/12/2004; Chu Văn Th, sinh ngày 30/4/2011; Chu Thị Bảo A, sinh ngày 01/9/2019, cả 3 con chung hiện đang ở với anh V. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu A, còn anh V nuôi cháu Th, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy, cháu Chu Quyết T, sinh ngày 05/12/2004 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không xem xét, giải quyết

Đối với cháu Chu Văn Th, sinh ngày 30/4/2011, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến, nguyện vọng của cháu là muốn ở với bố là anh Chu Văn V nên việc giao cháu Th cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và theo nguyện vọng của cháu Th. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Chu Văn Th cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi đương sự có yêu cầu thay đổi khác

Đối với cháu Chu Thị Bảo A, sinh ngày 01/9/2019, cháu A vẫn còn nhỏ nên việc giao cháu cho mẹ là chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo T sinh lý cũng như sự phát triển của cháu sau này. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Chu Thị Bảo A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi đương sự có yêu cầu thay đổi khác

Do chị H không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận sự tự nguyện của chị H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, cho chị Phạm Thị H và anh Chu Văn V được ly hôn;

2. Về con chung:

Giao cháu Chu Văn Th, sinh ngày 30/4/2011 cho anh Chu Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Chu Thị Bảo A, sinh ngày 01/9/2019 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu khác.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thị H và anh Chu Văn V có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

4. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0020643 ngày 26/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O .

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh O;
- Chi cục THADS huyện Thanh O;
- Các bên đương sự;
- UBND xã Thanh M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TIẾN DŨNG